

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
TRUNG TÂM KSBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 362/KSBT

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 04 năm 2025

Về việc mời chào giá kiểm nghiệm các
thông số chất lượng nước sạch sử dụng
cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị, Trung tâm;
- Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học Công nghệ Quảng Ngãi;
- Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội khóa 15;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế quy định
việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất
lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương
(QĐP 01:2023/QNg) về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Hiện tại, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi đang thực hiện
ngoại kiểm tra chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi Kính mời các **Cơ quan, Đơn
vị, Trung tâm** có đủ năng lực và kinh nghiệm kiểm nghiệm chất lượng nước sạch sử
dụng cho mục đích sinh hoạt báo giá kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh mục
các thông số (đính kèm).

*** Một số thông tin về báo giá:**

- Báo giá phải ký tên và đóng dấu đỏ;
- Không gộp giá các thông số lại với nhau thành tổng một giá và không vượt
mức giá quy định tại Thông tư số 240/2016/TT-BTC, ngày 11 tháng 11 năm 2016
của Bộ Tài Chính;
- Báo giá phải được bỏ trong phong bì và được dán kín.
- Báo giá đã bao gồm VAT và các khoản thuế khác (nếu có).

*** Hiệu lực báo giá:** tối thiểu 90 ngày

*** Địa chỉ nhận báo giá:**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 64, đường Bùi Thị Xuân, Tp Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Người nhận báo giá: Võ Duy Phương - ĐT: 0917156068

*** Thời gian nhận báo giá: Từ ngày có thông báo đến trước 17 giờ 00 ngày 02/5/2025.**

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi rất mong **Quý Cơ quan, đơn vị, Trung tâm** hợp tác.

Trân trọng cảm ơn. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TTKSBT tỉnh;
- Phòng KT-TC Trung tâm;
- Trang Web CDC Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, Khoa SKMT-YTTH-BNN.

GIÁM ĐỐC

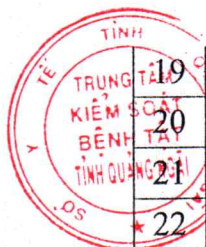


Võ Thanh Căn

Danh sách mục các thông số yêu cầu kiểm nghiệm cho một mẫu nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
(Ban hành kèm theo Công văn số: 369/KSBT ngày 04 tháng 04 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Đơn giá theo	
1	Coliform	CFU/100 ml	<3		
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 ml	<1		
3	Arsenic (As)(*)	mg/l	0,01		
4	Clo dư tự do(**)	mg/l	Trong khoảng 0,2 - 1,0		
5	Độ đục	NTU	2		
6	Màu sắc	TCU	15		
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ		
8	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5		
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus Aureus)	CFU/100ml	< 1		
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas Aeruginosa)	CFU/100ml	< 1		
11	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	0,3		
12	Bari (Ba)	mg/L	0,7		
13	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	0,3		
14	Chỉ số pemanganat (KMnO ₄)	mg/l	2		
15	Clorua (Chloride - Cl ⁻) (***)	mg/l	250 (Hải đảo hoặc ven biển(***) 300)		
16	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/l	300		
17	Fluor (F)	mg/L	1,5		
18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	2		



19	Mangan (Mn)	mg/l	0,1		
20	Natri (Na)	mg/l	200		
21	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/l	0,2		
22	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/l	2		
23	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/l	0,05		
24	Sắt (Ferrum) ($\text{Fe}^{2+} + \text{Fe}^{3+}$)	mg/l	0,3		
25	Sunphat (SO_4^{2-})	mg/l	250		
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1000		
27	Phenol và dẫn xuất của Phenol	$\mu\text{g/l}$	1		
28	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	$\mu\text{g/l}$	100		
29	Chlorpyrifos	$\mu\text{g/l}$	30		
30	Permethrin	$\mu\text{g/l}$	20		
31	Bromodichloromethane	$\mu\text{g/l}$	60		
32	Bromoform	$\mu\text{g/l}$	100		
33	Chloroform	$\mu\text{g/l}$	300		
34	Dibromochloromethane	$\mu\text{g/l}$	100		
35	Formaldehyde	$\mu\text{g/l}$	900		
36	Monochloramine	$\mu\text{g/l}$	3,0		
37	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
38	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
Tổng cộng: 38 thông số					